

Bản án số: 29/2020/HNGĐ-ST
Ngày 28 - 9 - 2020
V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT- THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà **Đặng Thị Bích Loan**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Trần Thị Thanh**
Ông **Lê Xuân Sơn**
- *Thư ký phiên toà:* Bà **Ngô Thị Mơ**, Thư ký Toà án nhân dân huyện PT, Thành phố Hà Nội.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà:* Bà **Khuất Thu Hương** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện PT, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 184/2020/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2020 về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2020/QĐST- HNGĐ ngày 24/9/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Vũ Thị Q**, sinh năm 1994; có mặt.
Nơi ĐKKHKT: Thôn 7, xã PT, huyện PT, Thành phố Hà Nội.
Địa chỉ: Thôn 10, xã PT, huyện PT, Thành phố Hà Nội
- *Bị đơn:* Anh **Bùi Văn T**, sinh năm 1990; vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn 7, xã PT, huyện PT, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các bản tự khai tiếp theo tại Toà án, chị Vũ Thị Q trình bày: Chị và anh Bùi Văn T có thời gian tìm hiểu và quyết định tiến tới hôn nhân cùng nhau, nên ngày 30/11/2012 chị và anh T tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã PT, huyện PT, Thành phố Hà Nội. Sau khi tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, chị về chung sống cùng gia đình anh T tại Thôn 7, xã PT, huyện PT, Thành phố Hà Nội. Thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc, đến năm 2014 phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân do chị sinh con thứ hai nên một phần do bận con nhỏ chị không đi làm được, một phần do kinh tế gặp khó khăn, anh T không chịu làm ăn lo lắng cho gia đình mà còn có quan hệ tình

cảm với một người phụ nữ khác, chị đã yêu cầu anh T chấm dứt mối quan hệ này, nhưng anh T không nghe thậm chí còn đánh chị, vì vậy vợ chồng xảy ra cãi vã dẫn đến không thể hòa hợp được nên đã nhiều lần chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở mục đích để anh T suy nghĩ và thay đổi tính cách nhưng anh T vẫn không thay đổi. Không những chỉ mâu thuẫn vợ chồng, mà giữa chị và mẹ đẻ anh T cũng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do mẹ anh T không khuyên bảo anh T trong những lúc vợ chồng chị cãi nhau mà lại đứng về phía anh T để trách mắng chị nên mẹ anh T cũng không muốn chị và anh T tiếp tục cuộc hôn nhân này. Vì vậy, tháng 4 năm 2020 chị về nhà bố mẹ đẻ ở, từ đó đến nay chị và anh T không ai quan tâm đến ai nữa. Mặc dù, anh T có gọi điện, nhắn tin nỉu kéo tình cảm với chị nhưng chị xác định không thể tiếp tục chung sống cùng anh T nữa nên chị không quay về. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Bùi Duy P, sinh ngày 07/6/2013 và Bùi Thị Quỳnh C, sinh ngày 8/6/2014. Hiện nay cả hai cháu đang sống chung cùng anh T, đã nhiều lần chị đến thăm con nhưng anh T và gia đình ngăn cản không cho chị thăm gặp con. Sau khi ly hôn, chị đề nghị được nuôi cháu C còn giao cháu P cho anh T nuôi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công sức và nợ: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Bùi Văn T trình bày: Anh và chị Vũ Thị Q được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn cùng nhau. Anh chị đăng ký kết hôn vào ngày 30/11/2012 tại UBND xã PT, huyện PT, Thành phố Hà Nội. Sau khi cưới, chị Q về chung sống cùng gia đình anh tại Thôn 7, xã PT, huyện PT, Thành phố Hà Nội. Anh và chị Q chung sống hạnh phúc được khoảng hai năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chơi cờ bạc nên ảnh hưởng đến kinh tế gia đình và dẫn đến việc vợ chồng xảy ra cãi nói nhau, có những lần không kiềm chế được bản thân nên anh đã đánh chị Q. Sau khi vợ chồng xảy ra xô xát thì có một vài lần chị Q bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, sau đó lại quay về sống chung cùng anh. Bố mẹ hai bên có biết việc vợ chồng mâu thuẫn và có khuyên giải để vợ chồng hòa thuận với nhau làm ăn để nuôi con nhưng không thành. Đến tháng 04 năm 2020, vợ chồng cãi nhau thì chị Q bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó đến nay không về sống chung cùng anh nữa. Anh có nhắn tin, gọi điện xin lỗi và nỉu kéo tình cảm mong muốn chị Q quay về để vợ chồng đoàn tụ với nhau nhưng chị Q vẫn không đồng ý. Nay anh xác định vẫn còn tình cảm với chị Q nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Bùi Duy P, sinh ngày 07/6/2013 và Bùi Thị Quỳnh C, sinh ngày 8/6/2014. Hiện nay cả hai cháu đang sống chung cùng anh. Nếu phải ly hôn thì nguyện vọng của anh được nuôi cả hai con và không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công sức và nợ: Không có.

Tại phiên tòa, chị Q giữ nguyên quan điểm đề nghị được ly hôn anh T vì chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, giữa chị và anh T không thể tiếp tục cuộc sống chung cùng nhau được, không những thế giữa chị và mẹ đẻ anh T cũng đã mâu thuẫn, bản thân bà cũng muốn vợ chồng chị ly hôn. Vì vậy, chị tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T để chị yên tâm làm ăn. Về con chung, chị đề nghị được nuôi cháu C. Tài sản chung và nợ không có. Ngoài ra, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, Thành phố Hà Nội tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng pháp luật, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Việc xác định quan hệ pháp luật và tư cách người tham gia tố tụng là đúng pháp luật. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo, việc chuyển hồ sơ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng đúng pháp luật.

Về nội dung: Áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Vũ Thị Q và anh Bùi Văn T được ly hôn.

Về con chung: Giao cháu Bùi Duy P, sinh ngày 07/6/2013 cho anh T nuôi; giao cháu Bùi Thị Quỳnh C, sinh ngày 8/6/2014 cho chị Q nuôi, đến khi cháu P và cháu C đủ 18 tuổi. Anh T và chị Q đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ: Không có.

Về án phí: Chị Quyên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra công khai tại phiên tòa; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện PT thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của chị Vũ Thị Q và đã thực hiện đầy đủ trình tự tố tụng theo quy định của pháp luật đối với các bên đương sự trong vụ án. Tòa án cũng tiến hành các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Vì vậy, căn cứ vào Điều 203 và Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện PT ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Bùi Văn T.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Vũ Thị Q và anh Bùi Văn T kết hôn hợp pháp, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện PT vào ngày 30/11/2012. Quá trình sống chung chị Q và anh T đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân được hai bên xác nhận lỗi là do anh T

không chịu làm ăn mà chơi cờ bạc làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình. Vì vậy, vợ chồng xảy ra cãi nói nhau, anh T do không tìm được đã đánh chị Q. Tháng 4 năm 2020 chị Q về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng sống ly thân nhau từ đó đến nay. Mặc dù, anh T đã nhắn tin, gọi điện xin lỗi chị Q, nhưng phía chị Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống chung cùng anh T nên chị Q không quay về.

Xét việc anh T không đồng ý ly hôn chị Q, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tòa án đã kiên trì báo phiên hòa giải lần thứ hai, nhưng anh T không đến tham gia phiên hòa giải mặc dù đã được giao nhận văn bản tố tụng hợp lệ. Điều này cho thấy anh T không quan tâm đến cuộc sống hôn nhân của mình, không mong muốn Tòa án hòa giải để hàn gắn quan hệ vợ chồng nên quan điểm không đồng ý ly hôn của anh T là không có căn cứ.

Mặt khác, theo lời khai của bà Khuất Thị Q, mẹ đẻ anh T cho biết: Quá trình vợ chồng chị Q, anh T sống chung, chị Q không có trách nhiệm gì với gia đình và các con, chị Q đã nhiều lần bỏ nhà đi xong rồi lại tự về. Sự việc này lặp đi lặp lại nhiều lần trong nhiều năm nay. Vì vậy, chị Q xin ly hôn anh T, bà nhất trí.

Bản thân anh T cũng xác nhận đã nhiều lần anh gọi điện, nhắn tin để mong muốn chị T về đoàn tụ sống chung cùng anh, nhưng đều bị chị T từ chối.

Từ những căn cứ trên cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Q và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Q.

- Về con chung: Chị Q và anh T có 02 con chung là Bùi Duy P, sinh ngày 07/6/2013 và Bùi Thị Quỳnh C, sinh ngày 8/6/2014.

Xét nguyện vọng được nuôi con của chị Q và anh T là chính đáng, thể hiện tình thương yêu và trách nhiệm của cha mẹ đối với các con, nhưng việc giao con cho ai nuôi phải căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh của các bên và nguyện vọng của con để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho các cháu.

Theo anh T khai anh đang làm thợ mộc ở xã Hữu Bằng, huyện TT, thu nhập trung bình một tháng từ 8.000.000đ đến 9.000.000đ/tháng. Còn chị Q đi làm tiếp thị tại Thị xã ST thu nhập trung bình một tháng từ 6.000.000đ đến 7.000.000đ, hiện nay chị đang ở cùng bố mẹ đẻ tại xã PT, huyện PT.

Như vậy, anh T và chị Q đều có công việc làm, có thu nhập hàng tháng và có chỗ ở ổn định nên đều đủ điều kiện để nuôi con.

Hiện nay, cháu P và cháu C đang sống chung cùng anh T, theo nguyện vọng của cháu P được sống chung cùng anh T. Để giảm bớt khó khăn cho anh T cũng như để đảm bảo việc chăm sóc các cháu, cần giao cho chị Q được nuôi cháu C là phù hợp.

- Về tài sản chung và nợ: Chị Q và anh T đều xác định không có.

[3] Về án phí: Chị Vũ Thị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án .

Xử:

+ Chị Vũ Thị Q được ly hôn anh Bùi Văn T.

+ Về con chung: Giao cháu Bùi Duy P, sinh ngày 07/6/2013 cho anh T nuôi; giao cháu Bùi Thị Quỳnh C, sinh ngày 8/6/2014 cho chị Q nuôi đến khi cháu P và cháu C đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung và nợ: Không có

- Về án phí: Chị Vũ Thị Q phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003222 ngày 18/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT, Thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự: Chị Vũ Thị Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Bùi Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện PT;
- THADS huyện PT;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Bích Loan

